

Số: 280 /QĐ-HVPNVN

Hà Nội, ngày 4 tháng 5 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán chi ngân sách năm 2021

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN PHỤ NỮ VIỆT NAM

- Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
- Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;
- Căn cứ hướng dẫn của Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam số 5629/ĐCT-KHTC ngày 26 tháng 4 năm 2021 về báo cáo công khai phân bổ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2021;
- Xét đề nghị của Phòng tài chính kế toán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công bố công khai số liệu chi ngân sách năm 2021 của Học viện Phụ nữ Việt Nam (theo biểu đính kèm).

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Phòng Tài chính Kế toán Học viện Phụ Nữ Việt Nam và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban KHTC Hội LHPNVN.
- Các đơn vị thuộc Học viện.
- Lưu (VT, TCKT).

GIÁM ĐỐC 

Trần Quang Tiến

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số ngày tháng năm của Bộ Tài chính

Đơn vị: Học viện Phụ nữ Việt Nam

Chương: 112

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số /QĐ- ...ngày...../...../..... của....)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Dvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	0
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Lệ phí	
	Lệ phí...	
	Lệ phí...	
2	Phí	
	Phí ...	
	Phí ...	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
1	Chi sự nghiệp.....	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
1	Lệ phí	
	Lệ phí...	
	Lệ phí...	
2	Phí	
	Phí ...	
	Phí ...	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	14,420.8
I	Nguồn ngân sách trong nước	14,420.8
1	Chi quản lý hành chính	400
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	400
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	0
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	0
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	14,021
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	5,000
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên -070-081	5,660.8



Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên -070-083	3,360
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	

